

Scope of Service/ Phụ lục 1- Phạm vi dịch vụ

You will be required to provide the following services/ Anh/Chị sẽ được yêu cầu cung cấp các dịch vụ sau:

1. Support teachers in primary classes, or in secondary classes when there are students who need specific educational needs/ Hỗ trợ giáo viên trong các lớp bậc tiểu học hoặc các lớp bậc trung học cơ sở khi học sinh có các nhu cầu hỗ trợ giáo dục cụ thể

- Agree classroom role with each teacher before each term begins/ Thống nhất với từng giáo viên về vai trò trong lớp học trước khi bắt đầu một kỳ học.
- Be ready in class fifteen minutes before class time/ Sẵn sàng vào lớp mười lăm phút trước giờ học
- Help check registers in the first lesson of each new term to make sure that children are in the right classroom/ Hỗ trợ kiểm tra danh sách lớp vào buổi học đầu tiên của mỗi kỳ học mới để đảm bảo học viên học đúng lớp
- Be prepared to spend a few minutes with teachers if they wish to talk about the class, activities and students in order to prepare for the next lesson/ Sẵn sàng sắp xếp một vài phút nếu giáo viên muốn thảo luận về lớp học, các hoạt động và học viên để chuẩn bị cho buổi học tiếp theo
- Support teachers in materials preparation/ Hỗ trợ giáo viên chuẩn bị tài liệu
- Help the teacher deal with latecomers, hand out children's work and support in other classroom routines so that the class runs smoothly/ Trợ giúp giáo viên xử lý các trường hợp học viên vào lớp muộn, phát bài tập cho học viên và hỗ trợ các hoạt động khác của lớp học để buổi học diễn ra suôn sẻ
- Motivate children to participate in classroom activities where possible by demonstrating appropriate behaviour and support teachers in the supervision and monitoring of children's work, e.g. singing, story telling, marking/ Khuyến khích học viên tham gia vào các hoạt động trong lớp mỗi khi có thể bằng các cách thức phù hợp và hỗ trợ giáo viên trong việc giám sát và theo dõi việc học của học viên, ví dụ: hát, kể chuyện, chấm bài
- Speak English as much as possible except when the message cannot be conveyed in English, e.g. complicated background information or when a child is seriously distressed or in the case of serious behavioural issues/ Sử dụng tiếng Anh nhiều nhất có thể ngoại trừ trường hợp không thể truyền tải thông điệp bằng tiếng Anh, ví dụ: thông tin có tính chất phức tạp hoặc khi học viên cảm thấy lo âu một cách nghiêm trọng hoặc trong trường hợp có các vấn đề nghiêm trọng về hành vi
- Encourage and assist children to complete tasks individually and independently rather than doing it for them/ Khuyến khích và hỗ trợ học viên tự hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách độc lập thay vì làm hộ học viên
- Spend appropriate amount of time with each student according to individual needs and those of the class as a whole/ Dành thời gian phù hợp cho từng học viên tùy theo nhu cầu của mỗi cá nhân và của cả lớp
- Support teachers with setting up the classroom and with wall displays of children's work/ Hỗ trợ giáo viên trang trí lớp học và trưng bày các tác phẩm của học viên lên tường
- Motivate children to help with tidying their tables and keeping the classroom clean/ Khuyến khích học viên dọn dẹp bàn ghế và giữ gìn lớp học gọn gàng sạch sẽ
- Support teachers/parents if they want to speak to each other about a child's progress or any other issue and ensure that all enquiries and messages conveyed by parents are always passed on to teachers as soon as possible/ Hỗ trợ giáo viên / phụ huynh khi

họ cần trao đổi với nhau về tình hình học tập của học viên hoặc bất kỳ vấn đề nào khác và đảm bảo rằng tất cả các câu hỏi và thông điệp mà phụ huynh truyền đạt luôn được chuyển đến giáo viên càng sớm càng tốt

- Bring any sick children to the attention of teachers so that appropriate action can be taken/ *Báo ngay cho giáo viên khi học viên bị bệnh để có hành động xử lý kịp thời và phù hợp*
- Make teachers aware of any relevant issues such as a child who has come to class unhappy, a child being teased by a classmate, etc./ *Thông báo cho giáo viên biết mọi vấn đề liên quan, chẳng hạn như học viên đến lớp không vui, học viên bị bạn cùng lớp trêu chọc, v.v...*
- Translate during meetings and Parents' Days between teachers and parents/ *Phiên dịch cho giáo viên và phụ huynh trong các cuộc họp và Ngày hội Phụ huynh*
- Support book loan service when required/ *Hỗ trợ dịch vụ cho mượn sách khi có nhu cầu*

2. Supervise children outside of the classrooms to ensure their safety/ *Giám sát học viên bên ngoài lớp học để đảm bảo sự an toàn cho học viên*

- Be responsible for children at break times; before, after and between classes/ *Chịu trách nhiệm giám sát học viên trong giờ giải lao; trước, sau và giữa các giờ học*
- Ensure children do not enter restricted areas and do not cause disturbances on the premises/ *Đảm bảo học viên không đi vào các khu vực cấm và không gây xáo trộn trong cơ sở giảng dạy*
- Supervise children who need to leave the classroom/ *Giám sát khi học viên cần rời khỏi lớp học*
- Encourage the use of English by talking to children in English while they are playing at break times/ *Khuyến khích việc sử dụng tiếng Anh bằng cách giao tiếp với học viên bằng tiếng Anh khi học viên chơi đùa trong giờ giải lao*
- Report any incidents occurring during break time to the class teacher and / or Duty Manager/ *Báo cáo bất kỳ sự cố nào xảy ra trong giờ giải lao cho giáo viên phụ trách lớp và / hoặc Quản lý ca trực*
- Check Young Learner students' Child Protection Card and make sure they are picked up and dropped off safely/ *Kiểm tra Thẻ đưa đón cho học viên Trẻ em và đảm bảo rằng học viên được đưa đón một cách an toàn*
- Follow the Health and Safety procedure and guidelines to ensure safety for the students and premises/ *Tuân thủ quy trình và hướng dẫn về An toàn và Sức khỏe để đảm bảo an toàn cho học viên và cơ sở giảng dạy*

3. Provide administration and invigilation support/ *Hỗ trợ các công việc hành chính và giám sát kiểm tra đánh giá*

- Invigilate language assessments/ *Giám sát các buổi kiểm tra đánh giá trình độ học viên*
- Support production / preparation of resources and materials or help with administration tasks when not required in the classroom, e.g. while on cover/ *Hỗ trợ việc chuẩn bị tài liệu hoặc trợ giúp các công việc hành chính ngoài giờ học, ví dụ: khi được sắp xếp làm thay*
- Translate reports/documents when required/ *Dịch các báo cáo / tài liệu khi được yêu cầu*
- Give out notices/letters to students/ *Gửi các thông báo / thư từ cho học viên*
- Support admin team with pre and end-of-term preparation/ *Hỗ trợ bộ phận hành chính các công việc chuẩn bị trước và cuối kỳ học*

- Call the parents of absent students / report teacher comment slips/ *Điện thoại cho phụ huynh của học viên vắng mặt / thông báo nhận xét đánh giá của giáo viên*
- Call parents to update about their child's performance in class when scheduled/ *Gọi điện để cập nhật định kỳ cho phụ huynh về tình hình học tập của học viên*
- Send lesson content to parent of Young Learner students/ *Gửi nội dung bài học cho phụ huynh của học viên Trẻ em*
- Be responsible for the Young Learner library during the opening time letting students borrow and return books, checking stock, inputting new books to the system and other related tasks/ *Quản lý thư viện dành cho Học viên trẻ em trong thời gian mở cửa cho học viên mượn và trả sách, kiểm tra kho, nhập sách mới vào hệ thống và các công việc liên quan khác*
- Provide support during Teaching Centre events/ *Hỗ trợ các sự kiện do Trung tâm giảng dạy tổ chức*